



東南科技大學

華語文教學中心 新生手冊





TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG NAM

Sổ tay tân sinh viên Trung tâm Giáo dục Hoa ngữ





Tungnan University of Science and Technology

Chinese Language Center Freshman Handbook





壹、東南科技大學 113 學年度日間部四技新生通訊註冊重要日程表

項目	日期	辦理事項		說明	負責單位/電話
註冊前	8/5 起	資料填報		上網填報【本校首頁→在校學生→資訊系統→新一代校務系統(帳號：學號，密碼：預設為身份證號碼加上@Tnu，共 14 碼，例：A123456789@Tnu)→學生專區→資料填報與申請】，檢核基本資料，填寫英文姓名(與護照相同)、自傳、轉帳帳號(銀行/郵局)。	註冊組 02-86625822~4
	8/9 -8/23 止	住宿申請		網路申請時間：自 113 年 8 月 9 日 08 時起至 113 年 8 月 23 日 24 時止。	學生宿舍辦公室 02-86625815
	8/5 起	僑生及外籍生保險		持有台灣地區居留證、外僑居留證之僑生在台未滿六個月依規定投保商保或僑保；居留滿六個月起，即應參加全民健康保險。親洽本校國際事務處辦理。	國際暨兩岸事務處 02-86625948~9
	8/20 前	繳費	學雜費	繳費方式：可臨櫃(永豐銀行各分行)繳款繳費、金融卡自動提款機(ATM)轉帳、信用卡掃描 QRCode 繳款、全省超商門市繳款(手續費自付)。	出納組 02-86625808~9
註冊	8/21 前	通訊註冊		請將下列資料依序放入信封於 8/21 前掛號寄回： 1.學歷證件正本(已繳交者免附) 2.2 吋照片 1 張(請於背面註明學號、姓名) 3.學生學籍表(請填妥並自行黏貼身分證正、反面影本及 1 張 2 吋正面脫帽半身照片) 4.學生匯款同意書(請黏貼存摺影本) 5.兵役調查表(女生免繳，自行黏貼身分證正、反面影本)。	註冊組 02-86625822~4
開學前	9/3-9/6 止	汽車停車證申請		自 113 年 9 月 3 日 9 時起至 113 年 9 月 6 日 16 時止，開放線上申請(http://park.tnu.edu.tw)，依申請順序發給停車證。	事務組 02-86625801~2
	9/2 起	查詢課表		上網查詢【本校首頁→在校學生→資訊系統→新一代校務系統(帳號：學號，密碼：預設為身份證號碼加上@Tnu，共 14 碼)→課務管理→學生課表查詢】。	課務組 02-86625826~7
	9/5-9/8 止	入住宿舍		請先完成繳費，於入住報到時繳交繳費證明或收據。	學生宿舍辦公室 02-86625815
	9/6	新生始業教育	學生接駁車	新生始業教育接駁車。	生輔組 02-86625843~5
			始業教育	介紹學校各項規定與系簡介、導師時間。	
			體檢	委託醫院到校體檢(費用 720 元，當日繳交)。	衛保組 02-86625851~2
開學	9/9	開學正式上課		依課程及教室開始上課。	課務組 02-86625826~7



I. LỊCH TRÌNH ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN SINH VIÊN NĂM HỌC 2024

Hạng mục	Ngày		Chi tiết	Đơn vị phụ trách/Điện thoại
Trước khi đăng ký	Từ 8/5	Điền thông tin	Đăng nhập hệ thống 【本校首頁→在校學生→資訊系統→新一代校務系統(帳號：學號，密碼：預設為身份證號碼加上@Tnu，共 14 碼，例：A123456789@Tnu)→學生專區→資料填報與申請】 kiểm tra thông tin cá nhân, điền tên tiếng Anh, tài khoản ngân hàng.	Phòng Đào tạo 02-86625822~4
	Từ 8/9 đến 8/23	Đăng ký ký túc xá	Nộp đơn trực tuyến từ 08:00 ngày 09/08 đến 24:00 ngày 23/08.	Văn phòng ký túc xá 02-86625815
	Từ 8/5	Bảo hiểm sinh viên Hoa kiều và sinh viên quốc tế	Du học sinh có thể cư trú tại khu vực Đài Loan hoặc thuê cư trú cho người nước ngoài, nếu thời gian lưu trú chưa đủ 6 tháng thì phải tham gia bảo hiểm thương mại hoặc bảo hiểm cho Hoa kiều theo quy định; sau khi lưu trú đủ 6 tháng, bắt buộc phải tham gia Bảo hiểm Y tế Toàn dân. Vui lòng trực tiếp đến Phòng Hợp tác Quốc tế của trường để làm thủ tục.	Phòng quốc tế 02-86625948~9
	Trước 8/20	Đóng phí	Học phí	Phương thức thanh toán: Thanh toán qua ngân hàng, ATM, QR Code hoặc tiền mặt tại cửa hàng tiện lợi. Tổ thu chi 02-86625808~9
Đăng ký	Trước 8/21	Đăng ký nhập học qua thư tín	Vui lòng sắp xếp và đặt các tài liệu sau vào phong bì, gửi bảo đảm qua bưu điện trước ngày 21/8: - Bản chính văn bằng học lực (nếu đã nộp trước đó thì không cần gửi lại) - Một ảnh 2 inch (vui lòng ghi rõ mã số sinh viên và họ tên ở mặt sau ảnh) - Phiếu thông tin học sinh (điền đầy đủ và dán bản sao	Tổ đăng ký 02-86625822~4

Hạng mục	Ngày		Chi tiết	Đơn vị phụ trách/Điện thoại
			2 mặt thẻ căn cước cùng với một ảnh chân dung bán thân chính diện không đội mũ, cỡ 2 inch) 4. Giấy đồng ý chuyển khoản học phí (dán kèm bản sao sổ ngân hàng) 5. Phiếu khảo sát nghĩa vụ quân sự (nữ sinh không cần nộp, nhưng vẫn phải dán bản sao 2 mặt thẻ căn cước)	
Trước khi nhập học	Từ 3/9 đến 6/9	Đăng ký thẻ đậu xe ô tô	Thời gian đăng ký trực tuyến: từ 9:00 ngày 3/9/113 đến 16:00 ngày 6/9/113 Đăng ký tại: http://park.tnu.edu.tw Phát thẻ đậu xe theo thứ tự đăng ký.	Tổ Hành chính 02-86625801~2
	Từ ngày 2/9	Tra cứu thời khóa biểu	Đăng nhập hệ thống: 【本校首頁→在校學生→資訊系統→新一代校務系統(帳號：學號，密碼：預設為身份證號碼加上@Tnu，共 14 碼)→課務管理→學生課表查詢】	Tổ học vụ 02-86625826~7
	Từ 5/9 đến 8/9	Nhận phòng ký túc xá	Sau khi hoàn tất đóng phí, vui lòng nộp biên lai/hóa đơn khi đến nhận phòng.	Văn phòng Ký túc xá 02-86625815
	Ngày 6/9	Giáo dục đầu khóa cho tân sinh viên	Có xe đưa đón dành cho tân sinh viên tham dự chương trình định hướng	Tổ Hỗ trợ sinh viên 02-86625843~5
		Giáo dục đầu khóa cho tân sinh viên	Giới thiệu các quy định của trường, ngành học và thời gian gặp gỡ giảng viên hướng dẫn.	
		Khám sức khỏe	Bệnh viện được ủy thác sẽ đến trường thực hiện khám sức khỏe (phí 720 Đài tệ, nộp trong ngày khám).	Phòng Y tế 02-86625851~2



Hạng mục	Ngày		Chi tiết	Đơn vị phụ trách/Điện thoại
Khai giảng	Ngày 9/9	Chính thức bắt đầu năm học mới	Đi học theo thời khóa biểu và phòng học đã được sắp xếp.	Tổ học vụ 02-86625826~7



I. Important Registration Schedule – 113 Academic Year, Four-Year Day Program, Tungnan University of Technology

Entry	Date	Procedures		Explanation	Contact Person / phone number
Before registration	From 5 August	Filling the form		Go online to fill in your information: [University Homepage → Current Students → Information System → New Generation Academic Affairs System (Login account: Student ID number Password: default is your National ID number + @Tnu, totaling 14 characters, e.g., A123456789@Tnu) → Student Section → Data Entry and Applications] Please check your basic information and fill in the following: English name (must match your passport) Autobiography Bank/post office account number (for transfers)	Registration Division 02-86625822~4
	9~23 August	Accommodation Application		Online application period: From 8:00 AM on August 9, 2024, to 12:00 AM on August 24, 2024.	Student Dormitory Office 02-86625815
	From 5 August	Overseas Chinese & Foreign Students Insurance		Overseas Chinese students with a Taiwan Resident or Alien Resident Certificate must purchase commercial or overseas student insurance if they've been in Taiwan for less than six months. After six months, they must join the National Health Insurance. Please contact the Office of International Affairs for assistance.	International and Cross-Strait Affairs 02-86625948~9
	Before 20 August	Payment	Tuition & miscellaneous fees	Payment methods: Payment can be made at the counter (all branches of SinoPac Bank), bank card ATM transfer, credit card payment by scanning QR code, and payment at convenience stores nationwide (service fee is paid by the user).	Cashier Division 02-86625808~9
Registration	Before 8/21	Remote Registration		Please place the following documents in an envelope and send them back by registered mail by August 21: 1. Original diploma (not required if already submitted) 2. One 2-inch photo (write your student ID and name on the back) 3. Student registration form (complete the form and affix a copy of both sides of your ID card and one 2-inch, front-facing, hatless photo) 4. Student remittance consent form (attach a copy of your bankbook)	Registry Division 02-86625822~4



Entry	Date	Procedures	Explanation	Contact Person / phone number
			5. Military service survey form (not required for female students; please attach a copy of both sides of your ID card)	
Before the school starts	3~9 September	Parking Permit Application	Online applications will be open from 9:00 AM on September 3, 2024, to 4:00 PM on September 6, 2024 (http://park.tnu.edu.tw). Parking permits will be issued on a first-come, first-served basis.	General Affairs 02-86625801~2
	From 2 September	Check Class Schedule	Check online: [School Homepage → Current Students → Information Systems → New Generation Campus System (Account: Student ID; Password: default is your ID number + @Tnu, total 14 characters) → Course Management → Student Schedule Inquiry].	Academic Affairs 02-86625826~7
	5-8 September	Moving into the Dormitory	Please complete the payment first, and present the payment proof or receipt upon check-in.	Student Dormitory Office 02-86625815
	6 September	Freshman	Student shuttle bus	Student Support Group 02-86625843~5
			Student Orientation	
			Physical Examination	Health Service Division 02-86625851~2
School starts	9/9	Official start of classes	Attend classes as scheduled in the designated classrooms.	Academic Division 02-86625826~7

貳、課程相關

一、課程

本中心每年開設春季班與秋季班華語課程，課程分為初級班及中級班，依學生中文程度分班教學。每週上課時數為 20 小時，課程內容包含聽、說、讀、寫四大技能訓練，並融入臺灣文化特色，提升學生整體華語運用能力。

授課教師具備專業華語文教學資格，課堂互動活潑，兼顧語言基礎與實際應用，協助學生穩健提升華語能力，各級課程資訊列表於下：

序號	程度	課程名稱	班級人數	使用教材
1	初級	華語聽力（一）	15 人	當代中文 I
		華語閱讀（一）	15 人	當代中文 I
		華語會話（一）	15 人	當代中文 I
2	中級	華語聽力（二）	15 人	當代中文 II，III
		華語閱讀（二）	15 人	當代中文 II，III
		華語會話（二）	15 人	當代中文 II，III
		華語寫作	15 人	當代中文 II，III

二、課表

開學前一週可上網查詢個人課表，請上網【本校首頁→在校學生→資訊系統→新一代校務系統（帳號：學號，密碼：預設為身份證號碼加上@Tnu，共 14 碼）→課務管理→學生課表查詢】查詢。

三、上課須知：

1. 注意事項

(1) 依課表時間為主，一週 20 節課，每節課 50 分鐘，兩節課之間有 10 分鐘的休息時間。

第 1 節課從早上 08:20 開始，第 9 節課 17:10 結束。

(2) 學生因個人因素無法前來上課者，需提供請假證明。

(3) 課程主要以中文教學，學生不可要求老師以中文以外的語言授課。

2. 出缺席：

(1) 缺課時數過多將影響申請獎學金資格及會面臨退學問題，請密切注意。

(2) 每次上課必須親自簽名以確保個人權益。

(3) 出席時間應以教室時鐘為準，並自抵達教室開始計算。如遲到 20 分鐘將以「曠課」計算。

(4) 缺曠課累計超過 45 節者，將依本校相關規定予以退學處分。

3. 請假須知

(1) 請假需提供請假證明，如病假需提供醫生證明，事假需提前三天申請等。

(2) 請假兩週內需登入學校新一代系統請假，超過時間無法請假。

4. 學習成績評量方式：

出席成績	20%
平時測驗	20%
期中考（含筆試口試）	30%
期末考（含筆試口試）	30%



II. THÔNG TIN VỀ KHÓA HỌC

1. Khóa học

Trung tâm mỗi năm mở hai học kỳ dạy tiếng Hoa: lớp mùa xuân và lớp mùa thu. Các khóa học được chia thành lớp sơ cấp và trung cấp, phân lớp theo trình độ tiếng Trung của sinh viên. Mỗi tuần học 20 giờ, nội dung bao gồm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đồng thời lồng ghép yếu tố văn hóa Đài Loan để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Hoa tổng thể cho sinh viên.

Giáo viên giảng dạy đều có chứng chỉ chuyên môn về giảng dạy Hoa ngữ, lớp học tương tác sôi nổi, chú trọng cả nền tảng ngôn ngữ và khả năng ứng dụng thực tế, giúp sinh viên nâng cao tiếng Hoa một cách vững chắc.

Thông tin chi tiết về các cấp lớp được liệt kê dưới đây:

Thứ tự	Trình độ	Tên môn học	Số lượng học sinh mỗi lớp	Giáo trình giảng dạy
1	Sơ cấp	Kỹ năng nghe tiếng Trung (1)	15 người	Giáo trình tiếng Trung Đương đại 1
		Kỹ năng đọc tiếng Trung (1)	15 người	Giáo trình tiếng Trung Đương đại 1
		Kỹ năng nói tiếng Trung (1)	15 người	Giáo trình tiếng Trung Đương đại 1
2	Trung cấp	Kỹ năng nghe tiếng Trung (2)	15 người	Giáo trình tiếng Trung Đương đại 2,3
		Kỹ năng đọc tiếng Trung (2)	15 người	Giáo trình tiếng Trung Đương đại 2,3
		Kỹ năng nói tiếng Trung (2)	15 người	Giáo trình tiếng Trung Đương đại 2,3
		Kỹ năng viết tiếng Trung	15 người	Giáo trình tiếng Trung Đương đại 2,3

2. Thời khóa biểu

Trước tuần khai giảng, sinh viên có thể tra cứu thời khóa biểu cá nhân trên mạng. Vui lòng truy cập theo trình tự sau:

Trang chủ của trường → Sinh viên đang theo học → Hệ thống thông tin → Hệ thống quản lý học vụ thể hệ mới (Tài khoản: mã số sinh viên, Mật khẩu mặc định: số thẻ cư trú hoặc số hộ chiếu + @Tnu, tổng cộng 14 ký tự) → Quản lý khóa học → Tra cứu thời khóa biểu của sinh viên.

3. Những điều cần biết khi trên lớp

1. Những điều cần lưu ý

(1) Lịch học được sắp xếp theo thời khóa biểu, mỗi tuần có 20 tiết học, mỗi tiết kéo dài 50 phút. Giữa hai tiết có 10 phút nghỉ giải lao. Tiết 1 bắt đầu lúc 08:20 sáng, tiết 9 kết thúc lúc 17:10 chiều.

(2) Nếu sinh viên vì lý do cá nhân không thể đến lớp, cần cung cấp giấy xin phép hoặc chứng minh hợp lệ.

(3) Các khóa học chủ yếu được giảng dạy bằng tiếng Trung, sinh viên không được yêu cầu giáo viên



giảng dạy bằng ngôn ngữ khác.

2. Về việc điểm danh – vắng mặt:

- (1) Số giờ vắng học quá nhiều sẽ ảnh hưởng đến việc xin học bổng và có thể dẫn đến việc bị buộc thôi học. Vui lòng chú ý kỹ.
- (2) Mỗi buổi học sinh viên phải tự ký tên điểm danh để đảm bảo quyền lợi cá nhân.
- (3) Thời gian điểm danh dựa theo thời gian trong lớp học, và được tính từ lúc sinh viên đến lớp. Nếu đến trễ quá 20 phút sẽ bị tính là "vắng không phép".
- (4) Nếu tổng số tiết nghỉ hoặc vắng không phép vượt quá 45 tiết, sinh viên sẽ bị xử lý buộc thôi học theo quy định của nhà trường.

3. Lưu ý về việc xin phép nghỉ học

- (1) Khi xin phép nghỉ học, sinh viên cần cung cấp giấy tờ chứng minh. Ví dụ: nghỉ bệnh cần có giấy chứng nhận của bác sĩ, nghỉ việc riêng cần nộp đơn xin trước ít nhất 3 ngày.
- (2) Việc xin nghỉ phải được thực hiện trong vòng 2 tuần kể từ ngày nghỉ, thông qua hệ thống học vụ thế hệ mới của trường. Quá thời hạn sẽ không được chấp nhận.

4. Phương thức đánh giá kết quả học tập:

Điểm chuyên cần	20%
Kiểm tra thường xuyên	20%
Thi giữa kỳ (gồm thi viết và vấn đáp)	30%
Thi cuối kỳ (gồm thi viết và vấn đáp)	30%



II. Course Related Matters

1. Courses

The Center offers Chinese language courses every spring and autumn, with beginner and intermediate levels based on students' proficiency. Each week includes 20 hours of training in listening, speaking, reading, and writing, with Taiwanese cultural elements integrated to enhance learning.

Qualified instructors lead interactive classes that balance language basics with real-life use, helping students steadily improve their Chinese. Course details by level are listed below. :

No.	Level	Course Name	Class Size (students)	Textbook Used
1	Beginner	Mandarin Listening (一)	15	A Course in Contemporary Chinese I
		Mandarin Reading (一)	15	A Course in Contemporary Chinese I
		Mandarin Conversation (一)	15	A Course in Contemporary Chinese I
2	Intermediate	Mandarin Listening (二)	15	A Course in Contemporary Chinese II,III
		Mandarin Reading (二)	15	A Course in Contemporary Chinese II,III
		Mandarin Conversation (二)	15	A Course in Contemporary Chinese II,III
		Mandarin Writing	15	A Course in Contemporary Chinese II,III

2. Class Schedule

Personal class schedule can be checked online one week before the semester begins. Please go to:

[School Homepage → Current Students → Information System → New Generation Academic System (Account: Student ID; Password: default is your ID number + @Tnu, 14 characters in total) → Course Management → Student Class Schedule Inquiry].

3. Class Guidelines :

1. Important Notes

- (1) Classes follow the official timetable, with 20 sessions per week. Each session lasts 50 minutes, with a 10-minute break between sessions. The first session begins at 08:20 AM, and the ninth ends at 17:10.
- (2) Students who are absent due to personal reasons must provide a valid leave document.
- (3) **Courses are primarily taught in Chinese. Students may not request instruction in other languages.**

2. Attendance and Absences :

- (1) Excessive absences may affect your eligibility for scholarships and could result in expulsion. Please take this seriously.
- (2) You must sign in personally for each class to protect your attendance record.
- (3) Attendance is based on the classroom clock and counted from the time you arrive. Being late by 20 minutes or more will be considered an absence.
- (4) Accumulating over 45 periods of absence may result in expulsion in accordance with school regulations.

3. Leave Application Guidelines

- (3) A valid proof is required for all leave requests. For sick leave, a doctor's certificate



must be provided; for personal leave, the application must be submitted at least three days in advance °

- (4) Leave requests must be entered into the school's New Generation System within two weeks. Late submissions will not be accepted.

4. Methods of Learning Assessment :

Attendance	20%
Quizzes and Class Performance	20%
Midterm Exam (written and oral)	30%
Final Exam (written and oral)	30%

參、居留證須知

一、申請須知

入境後 30 日內需申請居留證，申請時間大約 10 個工作天，請注意簽證有效日期，並依下列步驟辦理：

1. 繳交學費後，至註冊組申請「在學證明書」。
2. 備齊以下文件後可親自送至台北市、新北市移民署服務站或至移民署網頁申請。
 - (1) 護照正影本
 - (2) 簽證頁正影本
 - (3) 在學證明書正影本
 - (4) 六個月內近照、
 - (5) 入學許可正影本
 - (6) 現居住地證明(租屋契約)如住學校宿舍需附上住宿證明

■ 費用 1,000 元

■ 線上申請：請至「辦理外國與外僑學生居留證及展延或異動登記線上申辦系統」
(<https://coa.immigration.gov.tw/coa-frontend/foreign-student/individual>)

線上申請居留證步驟，請參考本中心網頁(https://ifp.tnu.edu.tw/en/1/i_link3/page_i6)

二、簽證相關提醒：

1. 在台停留或居留期間，不可以做與申請停留、居留目的不一樣的活動或工作。如果有違法工作的情況，可以強制驅逐出國。
2. 在台停留或居留期間，須隨身攜帶護照或外僑居留證。主管機關或其他依法令賦予權責之公務員，可以在執行公務時，要求出示這些證件。若未依規定隨身攜帶護照或外僑居留證者，將被罰款 1,000 元。
3. 根據台灣內政部移民署規定，停留簽證或居留證逾期罰則如下：

逾期天數	罰款（台幣）
10 天以內	2,000
11-30 天內	4,000
超過 31-60 天	6,000
60-90 天	8,000
91 天以上	10,000

*逾期停留、居留 90 天以內者，一年不得以免簽證或落地簽入境。逾期 90 天以上者，一年內不得入境。

4. 若需更詳細與更新的資訊，請查詢以下相關網站：

「外交部領事事務局」：<http://www.boca.gov.tw/>

「內政部移民署」：<http://www.immigration.gov.tw/>

III. HƯỚNG DẪN VỀ THẺ CƯ TRÚ

1. Thủ tục đăng ký cư trú

Sinh viên phải đăng ký xin cấp thẻ cư trú trong vòng 30 ngày sau khi nhập cảnh. Thời gian xử lý khoảng 10 ngày làm việc. Vui lòng chú ý đến ngày hết hạn thị thực và thực hiện theo các bước sau:

Sau khi nộp học phí, đến Phòng Đăng ký để xin Giấy xác nhận đang học.

Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu sau và nộp trực tiếp tại trạm dịch vụ Cục Di trú Đài Bắc hoặc Tân Bắc, hoặc nộp trực tuyến:

- Bản chính và bản sao hộ chiếu
- Bản sao trang visa
- Bản sao giấy xác nhận đang học
- Ảnh chụp trong vòng 6 tháng
- Bản sao giấy phép nhập học
- Giấy chứng minh nơi ở hiện tại (hợp đồng thuê nhà); nếu ở ký túc xá thì cần giấy xác nhận cư trú tại trường

Lệ phí: 1.000 TWD

Đăng ký trực tuyến: Vào hệ thống:

(<https://coa.immigration.gov.tw/coa-frontend/foreign-student/individual>)

Để biết chi tiết từng bước đăng ký trực tuyến, vui lòng tham khảo trên website của Trung tâm.

https://ifp.tnu.edu.tw/en/1/i_link3/page_i6

2. Nhắc nhở liên quan đến thị thực:

1. Trong thời gian lưu trú hoặc cư trú tại Đài Loan, không được tham gia vào các hoạt động hoặc công việc không phù hợp với mục đích ghi trên thị thực/cư trú. Nếu phát hiện vi phạm, có thể bị trục xuất.

2. Trong thời gian lưu trú/cư trú tại Đài Loan, phải luôn mang theo hộ chiếu hoặc thẻ cư trú dành cho người nước ngoài (ARC). Cơ quan có thẩm quyền hoặc nhân viên công vụ được pháp luật ủy quyền có quyền yêu cầu kiểm tra giấy tờ. Nếu không mang theo, bạn có thể bị phạt 1.000 TWD.

3. Theo quy định của Cục Di trú Bộ Nội chính Đài Loan, mức phạt khi quá hạn thị thực/cư trú như sau:

Số ngày quá hạn	Mức phạt (TWD)
Trong vòng 10 ngày	2,000
Từ 11 đến 30 ngày	4,000
Từ 31 đến 60 ngày	6,000
Từ 60 đến 90 ngày	8,000
Từ 91 ngày trở lên	10,000

4. Nếu cần thông tin chi tiết và cập nhật hơn, vui lòng truy cập các trang web liên quan sau đây:

Cục Lãnh sự – Bộ Ngoại giao: <http://www.boca.gov.tw>

Cục Di dân – Bộ Nội vụ: <http://www.immigration.gov.tw/>



III. Residence Permit Information

1. Application Guidelines

Students must apply for a residence permit within 30 days of arrival. Processing takes 10 working days. Please check your visa validity and follow the steps below :

1. Pay tuition and request a from the Registration Section 「Certificate of Student Status」 from the Registration Section .
2. Prepare the following documents and submit them either in person at a Taipei/New Taipei Immigration Office or online via the Immigration Agency website:

- (1) Photocopy of passport
- (2) Photocopy of visa page
- (3) Certificate of Student Status (original)
- (4) A recent photo (taken within 6 months)、
- (5) Photocopy of admission letter
- (6) Proof of residence (rental agreement or dormitory certificate)

■ Fee: NT\$1,000

■ Online Application: 請「[Foreign/Overseas Student Residence Permit System](https://coa.immigration.gov.tw/coa-frontend/foreign-student/individual)」
(<https://coa.immigration.gov.tw/coa-frontend/foreign-student/individual>)

For detailed steps, please refer to our center's website.

https://ifp.tnu.edu.tw/zh_tw/1/i_link3/page_i6



2. Visa-Related Reminders:

1. During your stay in Taiwan, you must not engage in any activity or employment inconsistent with the purpose of your visa. Illegal work may result in deportation.
2. You must carry your passport or Alien Resident Certificate (ARC) at all times. Authorized officials may request to see these documents. Failure to do so may result in a NT\$1,000 fine.
3. Overstay Penalties (per Taiwan's National Immigration Agency) :

Days Overstayed	Fine (TWD)
Within 10 days	2,000
11-30 days	4,000
31-60 days	6,000
60-90 days	8,000
Over 91 days	10,000

* If you overstay **within 90 days**, you will be banned from **entering Taiwan visa-free or applying visa on arrival for one year** . If you **overstay more than 90 days**, you will be **prohibited from entering Taiwan for one year**.

4. For more detailed and updated information, please visit the following websites:

「Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs」 : <http://www.boca.gov.tw/>

「National Immigration Agency, Ministry of the Interior」 : <http://www.immigration.gov.tw/>



肆、學生保險相關事項

壹、外籍生健康保險（三商美邦人壽保險）

- 1- 對象：初次抵臺求學之外籍生及未符合加入臺灣全民健保資格者（含僑生、港澳生及海青班學生）。
- 2- 保費：抵臺入學後起算 6 個月時間（自行負擔 每月 500 元）。
- 3- 就醫規定：商保效期內需前往就醫的同學，需先自行付費。
- 4- 相關三商美邦人壽理賠事宜，務必提供以下資料，缺一不可!!!!
 - 1.理賠申請書(至國際處填寫)。
 - 2.醫療診斷書。
 - 3.醫療收據。
 - 4.郵局帳戶影本。
- 5- 理賠項目只限必要的醫療(如感冒、發燒、腸胃痛…等疾病)。
 - 自殺、違法、美容類、矯正牙齒、健檢、施打疫苗…等不能申請。

理賠金額規定如下：

- 1.門診：收據實支實付，每日 1,000 元為上限。
 - 2.病房/住院:收據實支實付，每日 1,000 元為上限(最高給付 365 天)。
- 扣除病房費外、雜費、必要醫療費用\$12 萬內實支實付。

*病房費/住院日額 只能選一種。

- ✧ 建議同學們要自行存留收據及診斷書的影本資料，並清算已墊付的金額，以防突發文件遺失的狀況。
- ✧ 送國際暨兩岸事務處綜合業務組轉交保險公司申請理賠。
- ✧ 商保效期期滿，尚未符合參加全民健保資格者，應繼續投保(以月計算)，至符合參加全民健保資格為止。

貳、全民健康保險

1. 背景與法令規定

依據全民健康保險法之規定，持有居留證明文件在臺居住滿6個月者均應參加全民健康保險。在臺居住滿6個月，係指進入臺灣地區並取得外僑居留證後，連續居住達6個月或曾出境1次未逾30日之實際居住期間扣除出境日數後，併計達6個月。（港澳生需領取居留證日起算6個月）。

2. 保險費繳納方式及金額

依規定由學校將外國學生應繳納之健康保險費列入每學期學雜費繳款單，由學生於註冊時一併繳納。外國學生保險費每月新臺幣 826 元（依健保局現行收費標準），第一學期繳納 9 月至次年2月保險費（共 4,956 元），第二學期繳納 3 月至 8 月保險費（共 4,956 元）。

已於其他單位投保，且不轉至學校投保請告知國際專修部承辦人，並於每學期初檢查學雜費繳費單以避免重複繳費。

3. 轉出或退出本校代辦健康保險情形

休學、退學、畢業、轉學、工作者務必至國際事務處辦理健康保險退保事宜。

4. 補發或換發健保 IC 卡

如因身分資料變更、毀損、遺失、更換照片等申請換發健保 IC 卡者，投保校內國際事務處辦理，投保校外至郵局、中央健康保險局繳交工本費新臺幣 200 元及申請表辦理。

5. 詳細相關規定請洽『中央健康保險局臺北分局』

尚未符合參加全民健保資格者，應自費參加醫療保險，就醫規定同僑保、商保。

IV. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN BẢO HIỂM SINH VIÊN

1. Bảo hiểm y tế cho sinh viên nước ngoài (Bảo hiểm Nhân thọ Cathay Life)

- 1- **Đối tượng:** Sinh viên nước ngoài lần đầu đến Đài Loan học tập và chưa đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Toàn dân Đài Loan (bao gồm du học sinh Hoa kiều, sinh viên đến từ Hồng Kông, Macao và Lớp đào tạo kỹ thuật dành cho thanh niên hải ngoại).
- 2- **Phí bảo hiểm:** Bắt đầu tính từ khi nhập học tại Đài Loan, thời hạn 6 tháng, sinh viên tự chi trả **500 Đài tệ/tháng**.
- 3- **Quy định khám chữa bệnh:** Trong thời gian hiệu lực của bảo hiểm thương mại. Sinh viên cần **tự thanh toán chi phí khám chữa bệnh trước**.
- 4- **Khi yêu cầu bồi thường, phải cung cấp đầy đủ các tài liệu sau:**
 - (1) Đơn xin bồi thường (điền tại Văn phòng Quốc tế).
 - (2) Giấy chẩn đoán y tế.
 - (3) Biên lai thanh toán chi phí y tế.
 - (4) Bản sao sổ tài khoản ngân hàng Bưu điện.

5- Lưu ý:

- Chỉ được bồi thường cho các nhu cầu y tế cần thiết như: cảm cúm, sốt, đau bụng, v.v.
- **Không bồi thường** cho các trường hợp: tự tử, vi phạm pháp luật, phẫu thuật thẩm mỹ, chỉnh nha, khám sức khỏe, tiêm vắc xin, v.v.
- **Mức bồi thường cụ thể:**
 - Khám ngoại trú: hoàn trả theo biên lai, tối đa **1.000 Đài tệ/ngày**.
 - Nằm viện: hoàn trả theo biên lai, tối đa **1.000 Đài tệ/ngày, tối đa 365 ngày**.
 - ✧ Ngoài phí phòng, những chi phí y tế cần thiết được hoàn lại trong phạm vi **120.000 Đài tệ**.
 - ✧ *Chỉ được chọn một trong hai: “tiền phòng mỗi ngày” hoặc “hoàn trả tổng chi phí nằm viện”, không được đồng thời.*
- 🌈 **Khuyến nghị:**

Sinh viên nên lưu bản sao hóa đơn và giấy chẩn đoán để phòng khi thất lạc giấy tờ gốc.
- 🌈 **Nộp hồ sơ:**

Gửi về **Phòng Tổng hợp – Văn phòng Quốc tế** để chuyển cho công ty bảo hiểm.
- 🌈 Sau khi hết thời hạn bảo hiểm thương mại mà chưa đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Toàn dân, sinh viên cần **tiếp tục mua bảo hiểm thương mại theo tháng**.

2. Bảo hiểm Y tế Toàn Dân (National Health Insurance - NHI)

1. Căn cứ pháp lý:

Theo **Luật Bảo hiểm Y tế Toàn dân**, người nước ngoài cư trú tại Đài Loan **từ 6 tháng trở lên** (có thẻ cư trú) phải tham gia NHI.

Trong đó “6 tháng” được tính là:

- Cư trú liên tục không rời khỏi Đài Loan **hoặc** có ra nước ngoài **1 lần không quá 30 ngày**, tổng thời gian còn lại đạt đủ 6 tháng thực tế.

2. Cách thức và mức phí:

- Trường thu phí bảo hiểm cùng với học phí mỗi học kỳ.



- Mức hiện tại: **826 Đài tệ/tháng**.
 - Học kỳ 1 (từ tháng 9 đến tháng 2): **4.956 Đài tệ**.
 - Học kỳ 2 (từ tháng 3 đến tháng 8): **4.956 Đài tệ**.
- 3. Nếu sinh viên đã mua bảo hiểm ở nơi khác và không muốn chuyển sang mua tại trường:
 - **Phải thông báo cho Văn phòng Quốc tế** để tránh bị tính phí trùng khi đóng học phí.
 - **Khi thay đổi thân phận (nghỉ học, bảo lưu, chuyển trường, tốt nghiệp, đi làm...)** Sinh viên cần đến **Văn phòng Quốc tế để làm thủ tục rút bảo hiểm**.
- 4. Thẻ bảo hiểm y tế (IC 卡) trường hợp mất, đổi tên, đổi ảnh hoặc hư hỏng thẻ:
 - Nếu bảo hiểm qua trường → đến Văn phòng Quốc tế để xử lý.
 - Nếu bảo hiểm ngoài trường → đến **Bưu điện hoặc Cục Bảo hiểm Y tế Trung ương**, mang theo:
 - ✧ 200 Đài tệ phí làm lại
 - ✧ Đơn đăng ký
- 5. Nếu chưa đủ điều kiện tham gia NHI, sinh viên vẫn **phải tự mua bảo hiểm thương mại để phòng ngừa rủi ro khi khám chữa bệnh**.



IV. Student Insurance Information

1. Health Insurance for Foreign Students (SinoPac Life Insurance)

1. Eligibility: Foreign students newly arriving in Taiwan and those not yet eligible for National Health Insurance, including overseas Chinese students, Hong Kong/Macau students, and students in the Overseas Youth Vocational Training Program.
2. Premium: NT\$500/month for the first 6 months after arrival (self-paid).
3. Medical Care: During the coverage period, students must pay medical fees up front and later file a claim.
4. Claim Requirements (all documents required!!!!).
 1. Claim form (completed at the International Office).
 2. Medical diagnosis certificate °
 3. Medical receipts.
 4. Copy of postal account.
5. Coverage: Only necessary medical treatments (e.g., colds, fever, stomachache) are covered.
 - Not covered: suicide, illegal acts, cosmetic procedures, orthodontics, health checks, vaccinations, etc. °

Insurance Compensation Details: :

1. Outpatient visits : Reimbursed based on actual expenses, up to NT\$1,000 per day. °
2. Hospitalization/Ward: Reimbursed based on actual expenses, up to NT\$1,000 per day, for a maximum of 365 days. °

In addition to the daily limit, miscellaneous and necessary medical expenses are reimbursed up to NT\$120,000 (excluding ward fees).

*You may claim either the ward fee or the daily hospitalization allowance — not both. °

- ✧ Students are strongly advised to keep copies of all receipts and medical certificates, and to track any advance payments, in case original documents are lost. °
- ✧ Submit your claim documents to the International and Cross-Strait Affairs Office, which will forward them to the insurance company.
- ✧ If your commercial insurance coverage ends and you are still not eligible for National Health Insurance, you must continue the commercial insurance on a monthly basis until you become eligible.

2. National Health Insurance (NHI)

1. Eligibility:

According to the National Health Insurance Act, anyone holding a residence permit and residing in Taiwan for at least 6 months must enroll in NHI. "6 months" means continuously residing in Taiwan or leaving once for no more than 30 days (the days abroad are subtracted). For students from Hong Kong and Macau, the 6-month period starts from the date the residence permit is issued.

2. Payment Method and Amount

NHI fees are included in the semester tuition and miscellaneous fees bill and paid during registration. The premium is NT\$826 per month (based on current NHI standards). First semester: September to February (NT\$4,956), second semester: March to August (NT\$4,956)

If you are already insured through another provider and do not wish to switch to the school's plan,



please inform the International Office and check your fee bill each semester to avoid double payment. °

3. Withdrawal from School Health Insurance

If you take a leave of absence, withdraw, graduate, transfer, or start working, you must cancel your NHI coverage at the International Affairs Office.

4. Reissue or Replacement of NHI IC Card

For changes in personal info, damage, loss, or photo updates: School-insured students: apply at the International Affairs Office. Others: apply at the post office or NHI Bureau with the application form and NT\$200 fee.

5. More Info please contact: 詳細相關規定請洽『Taipei Branch of the National Health Insurance Administration』

Those not yet eligible for National Health Insurance must purchase medical insurance at their own expense. Medical treatment rules are the same as for Overseas Chinese or commercial insurance. °



伍、體檢

一、體檢日期：113 年 9 月 16 日(星期一)下午 13:30~16:00。

二、學校將委託醫院到校體檢(自費 720 元)，或同學可至衛保組領取體檢表格自行至各大醫院體檢。

三、檢查項目：

(一)一般理學檢查：身高、體重、血壓、視力、色盲、聽力、腰圍。

(二)尿液檢查：尿糖、尿潛血、酸鹼值、尿蛋白、白血球、尿膽紅素、酮體反應、比重、尿膽素原、亞硝酸鹽。

(三)血液檢查：白血球、紅血球、血色素、血球容積比、平均血球容積、紅血球血色素量、紅血球血紅素濃度、血小板。

(四)肝功能檢查：SGOT 草酸轉胺基酵素、SGPT 丙酮轉胺基酵素。

(五)血脂肪檢查：總膽固醇、三酸甘油脂。

(六)腎功能檢查：肌酸酐、尿酸、血中尿素氮。

(七)B 型肝炎檢查：B 型肝炎表面抗原、B 型肝炎表面抗體、B 型肝炎 e 抗原。

(八)X 光檢查：胸部 X 光(數位)。

(九)牙科檢查

(十)醫師諮詢

四、注意事項：

(一)113 學年度本校健康檢查承辦醫療院所—財團法人天主教耕莘醫院。

(二)體檢時間：113 年 9 月 16 日(星期一) 13:30~16:00。

(三)檢查地點：本校交易廳和平樓 1 樓

(四)費用請於檢查當日繳交。(自費約 720 元)。

(五)真空採血之注意事項：

1.抽血後，請壓住抽血處 3 至 5 分鐘，且勿揉抽血處。

2.若感到不適，請速就地蹲下，以免暈倒發生危險。

3.若有血腫，請熱敷數日即可，無需擔憂。

(六)X 光攝影時注意事項：

1.上衣口袋請勿置物。

2.勿穿金屬釦子之衣物。

3.項鍊請先自取下。

◎相關事宜詢問，請電洽(02)86625851~2 學務處衛保組留護理師。



V. Khám sức khỏe

1. Thời gian khám sức khỏe

- Ngày: **Thứ Hai, 16/09/113 (tức năm 2024)**
- Giờ: **Từ 13:30 đến 16:00**

2. Hình thức khám sức khỏe

- Trường **ủy thác bệnh viện đến trường** để khám sức khỏe (**chi phí tự túc: 720 Đài tệ**)
- Sinh viên cũng có thể đến **Phòng Y tế** nhận phiếu khám và **tự đi khám tại các bệnh viện lớn**

3. Các hạng mục khám sức khỏe bao gồm:

(1) Khám lâm sàng tổng quát:

- Chiều cao, cân nặng, huyết áp, thị lực, kiểm tra mù màu, thính lực, vòng eo

(2) Xét nghiệm nước tiểu:

- Đường trong nước tiểu, máu ẩn, độ pH, đạm, bạch cầu, bilirubin niệu, phản ứng thể ceton, tỉ trọng, urobilinogen, nitrit

(3) Xét nghiệm máu:

- Bạch cầu, hồng cầu, huyết sắc tố, tỷ lệ huyết cầu, thể tích trung bình của hồng cầu, lượng huyết sắc tố trung bình, nồng độ huyết sắc tố trung bình, tiểu cầu

(4) Kiểm tra chức năng gan:

- SGOT (AST), SGPT (ALT)

(5) Xét nghiệm mỡ máu:

- Tổng cholesterol, triglyceride

(6) Kiểm tra chức năng thận:

- Creatinine, acid uric, ure nitrogen trong máu

(7) Kiểm tra viêm gan B:

- Kháng nguyên bề mặt, kháng thể bề mặt, kháng nguyên e

(8) Chụp X-quang:

- X-quang ngực (kỹ thuật số)

(9) Khám nha khoa

(10) Tư vấn với bác sĩ

4. Lưu ý khi khám sức khỏe:

(1) Bệnh viện được trường chỉ định năm học 113:

- Bệnh viện Công giáo Canossa (耕莘醫院)

(2) Thời gian khám:

- Thứ Hai, ngày 16/09/113 từ 13:30 đến 16:00

(3) Địa điểm:

- Tầng 1, Tòa nhà Hòa Bình, Khu giao dịch trong trường

(4) Chi phí:

- 720 Đài tệ (tự thanh toán vào ngày khám)

(5) Lưu ý khi lấy máu bằng ống hút chân không:

1. Sau khi lấy máu, hãy **án giữ vị trí lấy máu từ 3–5 phút**, không xoa.
2. Nếu cảm thấy chóng mặt, nên **ngồi xổm tại chỗ để tránh té ngã**.
3. Nếu có vết bầm, chỉ cần **chườm ấm vài ngày**, không cần lo lắng.

(6) Lưu ý khi chụp X-quang:

1. **Không để đồ trong túi áo.**
2. **Không mặc quần áo có nút kim loại.**



3. Tháo dây chuyên trước khi chụp.

◆ Nếu có thắc mắc, vui lòng liên hệ Phòng Y tế – Phòng Công tác sinh viên qua số điện thoại:
(02) 8662-5851~2.



V. Physical Examination

(1) **Physical Examination date : 16 September 2024 (Monday) from 1:30 PM to 4:00 PM .**

(2) The school will arrange on-campus physical exams by a hospital (self-paid, NT\$720), or students may collect a form from the Health Center and complete the exam at a hospital of their choice.

(3) Examination Items :

- a. General Physical Exam: : Height, weight, blood pressure, vision, color blindness, hearing, waist circumference .
- b. Urine Test : Glucose, occult blood, pH, protein, white blood cells, bilirubin, ketones, specific gravity, urobilinogen, nitrite .
- c. Blood Test : White blood cells, red blood cells, hemoglobin, hematocrit, MCV, MCH, MCHC, platelets .
- d. Liver Function : SGOT 草酸轉胺基酵素、SGPT 丙酮轉胺基酵素 .
- e. Blood Lipids : Total cholesterol, triglycerides .
- f. Kidney Function: Creatinine, uric acid, BUN (blood urea nitrogen)
- g. Hepatitis B Screening : HBsAg, anti-HBs, HBeAg
- h. Chest X-ray: Digital chest X-ray .
- i. Dental Check-up
- j. Doctor's Consultation

(4) Health Check Notice :

- a. Designated Hospital for 113 Academic Year: Catholic Keng Shin Hospital Foundation .
- b. **Date & Time: September 16, 2024 (Monday), 13:30–16:00**
- c. Location : Lounge 1st Floor, Heping Building
- d. Fee: NT\$720 (pay on the day)
- e. Blood Test Reminders :
 1. Apply pressure to the site for 3–5 minutes after the draw; do not rub.
 2. If you feel dizzy, squat down immediately. .
 3. Bruising is normal—use warm compresses if needed
- f. X-ray Reminders :
 1. Empty your shirt pockets.
 2. Do not wear clothing with metal buttons.
 3. Remove necklaces in advance

©Inquiries: Call (02) 8662-5851~2, Student Affairs Office – Health Services Unit.



陸、工作許可申請

依現有法令規定，在臺灣之外僑生，可依相關規定辦理工作許可。申請時請提供以下文件電子檔(.pdf)以供審核：

1. 線上申請書鏈接：

<https://ezwp.wda.gov.tw/wcfonline/wSite/Control?function=StdIndexPage>

2. 繳費收據100元
3. 在學證明書
4. 有效期間之護照影本、居留證正反面影本

* 勞 動 部 審核時間：約12個工作天

線上申請工作許可證步驟，請參考本中心網頁：

https://ifp.tnu.edu.tw/zh_tw/1/i_link3/page_i8

柒、住宿申請

1. 網路申請時間：自 113 年 8 月 9 日 08:00 起至 113 年 8 月 23 日 24:00 止。
2. 申請方式：點選【本校首頁→在校學生→資訊系統→新一代校務系統(帳號：學號，密碼：預設為身份證號碼加上@Tnu，共 14 碼，例:A123456789@Tnu)→學生專區→資料填報與申請→宿舍申請】，溫馨提醒：如有同校熟識同學一同申請住宿想要同住一房，本校宿舍均為 4 人房，以 4 人同住為上限，請於宿舍申請頁面之「備註」欄註記要同住同學之姓名及學號，凡未註記及註記不確實者，床位由宿舍統一安排。
3. 查看床位及繳費：學生宿舍申請及審核作業完成後，自 113 年 8 月 28 日 08 時起開放查閱，請依上述申請方式路徑自行查看獲分配宿舍床位並列印住宿費繳費單，請於 113 年 9 月 6 日前完成繳納，逾時未繳納者視同棄權，床位由候補人員依序遞補。
4. 已獲分配住宿新生請於 9 月 5 日(星期四)起至 9 月 8 日(星期日)止，每日上午 09:00 起至下午 17:00 止至學生宿舍報到，並繳交繳費證明，憑辦入住事宜。

📞 相關事宜詢問，請電洽：日間(02)86625815(學生宿舍辦公室)。

夜間(02)86625886(男生宿舍)、(02)86625776(女生宿舍)。

住宿費收費標準

住宿費 Accommodation fees Phí ký túc xá	4 人房型(a 4-person room / Phòng 4 người) NT\$10,725 / 學期(Semester/ kỳ) 7 人以上房型(above 7-person room / Phòng 7 người trở lên) NT\$6,600 / 學期(Semester/ kỳ)	
寒暑假住宿費 During winter and summer vacations accommodation fees Chi phí ở vào kỳ nghỉ hè và nghỉ đông	4 人房型(a 4-person room / Phòng 4 người) NT\$596 / 週(Week/ Tuần) 7 人以上房型(above 7-person room / Phòng 7 người trở lên) NT\$367 / 週(Week/ Tuần)	

捌、學生獎助學金

獎助學金內容：

華語先修生：

第 1 學期全額補助學雜費

第 2 學期補助學雜費新台幣 20,000 元。

華語先修生續讀專班：

第 1 學期補助學雜費新台幣 20,000 元。

專班學生學業獎學金：

自第 2 學期起，前一學期操行與學業成績皆達 85 分以上者，可申請每學期新台幣 15,000 元。

申請與審查

助學金由入學服務與輔導組統一提出。

學業獎學金需由學生自行於開學後一週內申請，並檢附成績單。

領取獎學金期間未得重領其他校內獎助，曠課/請假超過 40 節者不得申請。

詳細規定與申請表單，請洽國際專修部入學服務與輔導組。

玖、學生急難慰助實施要點

為協助學生因突發事故或家庭變故所產生的緊急經濟需求，本校設立「學生急難慰助金」，提供即時且有溫度的協助，讓同學能夠安心就學。

適用對象

凡本校在學學生，符合下列情形之一者，皆可提出申請：

個人傷病：遭遇意外傷害、重大疾病或不幸身故。

家庭變故：父母或監護人身故、家庭突遭重大災害或陷入經濟困境。

其他突發事故：如需緊急巨額支出，可提出專案申請。

慰助金額（依情況核定）

學生住院：新台幣 1,500 元；進入加護病房：3,000 元。

學生身故：最高新台幣 20,000 元。

家庭主要成員身故或經濟困難：

低收入戶：15,000～20,000 元。

弱勢身份學生：10,000～15,000 元。

其他身份（含僑外生）：最高 7,000 元。

特殊緊急狀況可提出專案申請，經審查後彈性調整金額。

申請流程

向學生事務處 課外活動指導組 索取並填寫「學生急難慰助申請書」。

檢附相關證明資料（如醫療證明、災損證明等）。

經導師、系主任與課外活動指導組簽注意見後提交。

通過審查後，一般案件於 7 個工作天內完成發放。

審查與發放

由本校「獎補助學金審查委員會」審核。

慰助金可由學校代表親自慰問致送，或採匯款／支票方式發放。

急難慰問金（如住院）可即時由導師或校安人員協助領取發送。

經費來源

慰助金由下列管道共同支應：

校內師生與教職員之自願捐款

學生家長與社會人士之善心捐助

校友會捐助

校內相關學生補助預算

提醒：每名學生針對同一事件原則上限申請一次，名額與金額依當年度預算而定。若有需要，歡

迎主動洽詢學生事務處課外活動指導組。

拾、汽車停車證申請

1. 學生汽車位申請時間自 113 年 9 月 3 日 9 時起至 113 年 9 月 6 日 16 時止，開放線上申請 (<http://park.tnu.edu.tw>)，依申請順序發給停車證，並請取得繳費單之同學於開學前至 ATM 轉帳繳納停車費，開學後持繳款收據、汽車行照、駕照至總務處事務組領取停車證，開學後 1 週內未領取停車證者，將取消申請資格，由候補者依序遞補。
2. 相關事宜詢問，請電洽(02)86625802 總務處事務組。

壹拾壹、機車停車事宜

- 一、本校機車停車場採刷卡(學生證)進出，每日收費上限 10 元。當日多次進出僅扣 1 次(10 元)。惟多日停放且跨過次日凌晨 0 時起，系統自動按日按次累進計費。
 - 二、本校學生證為「悠遊卡學生證」，請同學領取卡片後自行至超商或捷運站等可加值的地點儲值，經儲值後即可進出本校機車停車場收費使用。
- 📞 相關事宜詢問，請電洽(02) 86625801~03 總務處事務組。

VI. Đăng ký giấy phép làm việc

Theo quy định hiện hành, sinh viên quốc tế tại Đài Loan có thể đăng ký **giấy phép làm việc** theo các điều khoản liên quan. Khi nộp hồ sơ, cần cung cấp **tệp điện tử (.pdf)** của các tài liệu sau:

1. Đơn đăng ký trực tuyến:

 <https://ezwp.wda.gov.tw/wcfonline/wSite/Control?function=StdIndexPage>

2. Biên lai nộp lệ phí **100 Đài tệ**
3. Giấy xác nhận đang học tại trường
4. Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực và bản sao 2 mặt **thẻ cư trú (ARC)**

 **Thời gian xét duyệt** của Bộ Lao động: khoảng **12 ngày làm việc**

 Vui lòng tham khảo hướng dẫn chi tiết về cách đăng ký tại website của trung tâm:

https://ifp.tnu.edu.tw/en/1/i_link3/page_i8

VII. Đăng ký ký túc xá

1. Thời gian đăng ký trực tuyến:

Từ **08:00 ngày 9/8/113** đến **24:00 ngày 23/8/113**

2. Cách thức đăng ký:

Truy cập theo đường dẫn:

【本校首頁→在校學生→資訊系統→新一代校務系統(帳號：學號，密碼：預設為身份證號碼加上@Tnu，共 14 碼，例:A123456789@Tnu)→學生專區→資料填報與申請→宿舍申請】

-  Nếu muốn ở chung với bạn cùng trường quen biết, vui lòng ghi rõ **họ tên + mã số sinh viên** trong ô “Ghi chú”.

 Không điền hoặc điền không đầy đủ → hệ thống tự sắp xếp.

3. Xem kết quả và thanh toán phí ký túc:

- Sau khi hoàn tất xét duyệt, từ **08:00 ngày 28/8/113**, sinh viên có thể tra cứu thông tin giường ở và **in phiếu đóng tiền**.
- Hạn chót đóng tiền: **trước ngày 6/9/113**
- Quá hạn không thanh toán sẽ bị **hủy quyền giữ chỗ** và chuyển sang danh sách chờ.

4. Thời gian báo danh nhập ký túc:

- Từ **ngày 5/9 (Thứ Năm)** đến **ngày 8/9 (Chủ Nhật)**
- Giờ: **09:00 - 17:00 hằng ngày**
- Địa điểm: Văn phòng ký túc xá
- Cần mang theo: **Biên lai đã đóng tiền**

 Thắc mắc vui lòng liên hệ:

- Ban ngày: (02) 8662-5815 (Văn phòng ký túc xá)

- Ban đêm: (02) 8662-5886 (KTX nam) hoặc (02) 8662-5776 (KTX nữ)

住宿費 Accommodation fees Phí ký túc xá	4人房型(a 4-person room / Phòng 4 người) NT\$10, 725 / 學期 (Semester/ kỳ) 7人以上房型(above 7-person room / Phòng 7 người trở lên) NT\$6, 600 / 學期 (Semester/ kỳ)	
寒暑假住宿費 During winter and summer vacations accommodation fees Chi phí ở vào kỳ nghỉ hè và nghỉ đông	4人房型(a 4-person room / Phòng 4 người) NT\$596 / 週 (Week/ Tuần) 7人以上房型(above 7-person room / Phòng 7 người trở lên) NT\$367 / 週 (Week/ Tuần)	

VIII. Học bổng và trợ cấp sinh viên

Nội dung học bổng:

- **Sinh viên dự bị tiếng Hoa:**
 - Học kỳ 1: Hỗ trợ toàn bộ học phí
 - Học kỳ 2: Trợ cấp NT\$25,000 học phí
- **Sinh viên dự bị tiếp tục học chuyên ngành:**
 - Học kỳ 1: Trợ cấp NT\$25,000 học phí
- **Sinh viên chương trình chuyên ngành:**
 - Từ học kỳ 2 trở đi, nếu điểm hạnh kiểm và học tập kỳ trước **đều ≥ 85** , có thể xin học bổng NT\$20,000/kỳ

Quy trình đăng ký và xét duyệt:

- Trợ cấp được Văn phòng Hướng dẫn sinh viên quốc tế đề xuất
- Học bổng cần **sinh viên tự đăng ký trong tuần đầu mỗi học kỳ**
- Kèm bảng điểm và không được nhận đồng thời các học bổng nội bộ khác
- **Không được xin nếu nghỉ học/đi học trễ quá 40 tiết**

 Mẫu đơn và quy định chi tiết, liên hệ **Phòng Tuyển sinh & Hướng dẫn sinh viên quốc tế**



IX. Trợ cấp khẩn cấp cho sinh viên

Nhằm hỗ trợ sinh viên gặp **biến cố bất ngờ hoặc khó khăn gia đình**, trường có thiết lập **quỹ trợ cấp khẩn cấp**, hỗ trợ nhanh chóng và nhân văn.

Đối tượng áp dụng: Sinh viên đang học có một trong các tình huống:

- Bị thương, bệnh nặng, tai nạn, tử vong
- Mất cha mẹ/người giám hộ, hoặc gia đình gặp thiên tai/khó khăn nghiêm trọng
- Các sự kiện bất ngờ đòi hỏi chi phí lớn

Mức hỗ trợ (tùy tình huống):

- Sinh viên nhập viện: NT\$1,500
- Vào ICU: NT\$3,000
- Tử vong: tối đa NT\$20,000
- Gia đình khó khăn:
 - Hộ nghèo: NT\$15,000–20,000
 - Thuộc diện yếu thế: NT\$10,000–15,000
 - Các trường hợp khác (gồm sinh viên quốc tế): tối đa NT\$7,000

Các trường hợp đặc biệt có thể nộp **đơn xin riêng**, sau xét duyệt có thể được hỗ trợ linh hoạt hơn.

Quy trình đăng ký:

1. Nhận và điền **Đơn xin trợ cấp khẩn cấp** tại Phòng Hoạt động ngoại khóa.
2. Đính kèm tài liệu liên quan: giấy chứng nhận y tế, thiên tai,...
3. Có chữ ký xác nhận của **giáo viên hướng dẫn, trưởng khoa, phòng phụ trách**.
4. Sau khi xét duyệt, khoản tiền thường được cấp trong vòng **7 ngày làm việc**.

Cách cấp phát:

- Do **Hội đồng học bổng** xét duyệt.
- Có thể **trao trực tiếp**, hoặc **chuyển khoản/séc**.
- Trường hợp cấp thiết có thể nhờ giáo viên hoặc nhân viên trường hỗ trợ phát ngay.

Nguồn kinh phí:

- Quyên góp tự nguyện của giảng viên, nhân viên
- Ủng hộ từ phụ huynh, xã hội
- Hội cựu sinh viên
- Ngân sách hỗ trợ sinh viên

📌 **Lưu ý:**

Mỗi sinh viên chỉ được xin **1 lần cho 1 sự kiện**, tùy theo **ngân sách từng năm**. Khi cần, hãy **chủ động liên hệ Phòng Hoạt động ngoại khóa**.

X. Đăng ký thẻ đậu xe ô tô

◆ **Thời gian đăng ký:**

Từ 09:00 ngày 3/9/113 đến 16:00 ngày 6/9/113

◆ **Cách đăng ký:**

Đăng ký trực tuyến tại:

🔗 <http://park.tnu.edu.tw>

◆ **Lưu ý:**

- Căn cứ thứ tự đăng ký, cấp thẻ đậu xe

- Sau khi nhận được **phiếu đóng phí**, sinh viên cần **chuyển khoản qua ATM trước khi khai giảng**
- Sau khai giảng, mang **biên lai nộp tiền, giấy đăng ký xe, và bằng lái xe** đến **Phòng Tổng vụ** để nhận thẻ
- Nếu **không đến nhận trong vòng 1 tuần** sau khai giảng → bị hủy quyền giữ chỗ, ưu tiên cho danh sách chờ

☎ Nếu có thắc mắc, **vui lòng liên hệ:**

Phòng Tổng vụ – Bộ phận Hành chính

Số điện thoại: (02) 8662-5802

XI. Quy định về đỗ xe máy

1. Quy định sử dụng bãi đỗ xe máy trong trường

- Bãi đỗ xe máy trong trường sử dụng thẻ sinh viên quét vào – ra.
- Mức phí tối đa mỗi ngày: 10 Đài tệ.
- Trong một ngày, dù ra vào nhiều lần cũng chỉ tính phí 1 lần (10 Đài tệ).
- Nếu để xe qua nửa đêm (sang ngày mới), hệ thống sẽ tính thêm phí theo ngày và số lần vào/ra.

2. Thông tin về thẻ sinh viên

- Thẻ sinh viên của trường là loại "thẻ sinh viên kết hợp EasyCard (悠遊卡)".
- Sau khi nhận thẻ, sinh viên có thể nạp tiền tại các cửa hàng tiện lợi hoặc trạm MRT.
- Sau khi nạp tiền, thẻ có thể dùng để quét vào/ra bãi đỗ xe máy và bị trừ tiền tự động.



VI. Work Permit Application

According to current regulations, foreign students in Taiwan may apply for a work permit under relevant provisions.

To apply, please submit the following documents in PDF format for review :

5. Online application form : <https://ezwp.wda.gov.tw/wcfonline/wSite/Control?function=StdIndexPage>
6. Payment receipt: NT\$100
7. Certificate of enrollment
8. Photocopies of your valid passport and front and back of your residence permit

* **Note:** The Ministry of Labor's review takes approximately **12 working days**

Work Permit Application steps, please refer to our website: https://ifp.tnu.edu.tw/zh_tw/1/i_link3/page_i8

VII. Accommodation Application

1. Online application period: from 08:00 on August 9, 2024 to 24:00 on August 23, 2024. °
 2. Application Procedure : Go to【 University Homepage → Current Students → Information System → New Generation School Affairs System (Login ID: Student Number; Default Password: National ID number followed by @Tnu, totaling 14 characters, e.g., A123456789@Tnu) → Student Section → Information Entry and Applications → Dormitory Application 】 , Friendly Reminder : If you wish to share a room with classmates you know, please note that all dormitory rooms accommodate 4 people maximum. You must write the full name and student ID number of the roommates you want to stay with in the “Remarks” column of the application form. If this information is missing or incomplete, the dormitory staff will assign bed spaces at their discretion.
 3. Checking Bed Allocation and Making Payment : Once the dormitory application and review process is completed, students may check their assigned bed and print the accommodation fee payment slip starting from 08:00 on August 28, 2024. Please log in using the same application path mentioned above. The payment must be completed by September 6, 2024. Failure to pay by the deadline will be regarded as a forfeiture of the bed, and the space will be reassigned to students on the waiting list.
 4. Dormitory Check-in: Newly assigned residents must check in at the dormitory between September 5 (Thu) and September 8 (Sun), 09:00–17:00, and present proof of payment to complete the process.
- ◆ For inquiries: : Daytime: (02) 8662-5815 (Dormitory Office).
Nighttime: (02) 8662-5886 (Boys' Dorm) / (02) 8662-5776 (Girls' Dorm).

Accommodation Fees

Dormitory fees	4-person room NT\$10,725 /Semester	
	Room for 7 or more persons NT\$6,600 / Semester	
Winter and Summer vacations Dormitory fees	4-person room NT\$596 / Week	
	Room for 7 or more persons NT\$367/Week	



VIII. Student Scholarship

Scholarship Details

Chinese Language Preparatory Students:

Full tuition and miscellaneous fees waived for the first semester.

A subsidy of NT\$20,000 for tuition and miscellaneous fees in the second semester.

Continuing Students in the Chinese Language Preparatory Program:

A subsidy of NT\$20,000 for tuition and miscellaneous fees in the first semester.

Academic Scholarships for Special Program Students:

Starting from the second semester, students who achieve both conduct and academic scores of 85 or above in the previous semester may apply for a scholarship of NT\$15,000 per semester.

Application and Review:

Scholarships are processed by the Enrollment Services and Guidance Section.

Academic scholarships must be applied for by students within one week after the semester begins, with a transcript attached.

Students may not receive other on-campus scholarships during the scholarship period.

Students with over 40 periods of absences or leaves are not eligible to apply.

-  For detailed regulations and application forms, please contact the Enrollment Services and Guidance Section of the International Special Programs.



IX. Guidelines for Student Emergency Assistance

To support students facing urgent financial difficulties due to unforeseen incidents or family emergencies, the school has established a Student Emergency Relief Fund to provide timely and compassionate assistance, helping students continue their studies with peace of mind.

Eligible Applicants

All currently enrolled students who meet any of the following conditions may apply:

Personal injury or illness: In cases of accidental injury, serious illness, or student death.

Family emergencies: Death of a parent or guardian, major disaster affecting the family, or sudden financial hardship.

Other emergencies: Cases involving urgent and significant expenses may be considered through special application.

Relief Amounts (subject to case review)

Hospitalization: NT\$1,500

ICU admission: NT\$3,000

Student death: Up to NT\$20,000

Death of a primary family member or financial hardship:

Low-income households: NT\$15,000–20,000

Disadvantaged student backgrounds: NT\$10,000–15,000

Others (including overseas Chinese and international students): Up to NT\$7,000

For special emergencies, a case-by-case application may be submitted, and the amount adjusted upon review.

Application Procedure

Obtain and complete the Student Emergency Assistance Application Form from the Extracurricular Activity Guidance Section of the Student Affairs Office.

Attach supporting documents (e.g., medical records, disaster certification).

Submit the form with signed comments from your advisor, department chair, and the Extracurricular Activity Guidance Section.

Once approved, assistance for general cases will typically be disbursed within 7 working days.

Review and Disbursement

Applications are reviewed by the Scholarship and Financial Aid Review Committee.

Relief funds may be delivered personally by a school representative or disbursed via bank transfer or check.



In emergency cases (e.g., hospitalization), funds may be disbursed immediately with help from the advisor or campus security personnel.

Funding Sources

The Emergency Relief Fund is supported by:

Voluntary donations from faculty, staff, and students

Charitable contributions from parents and the community

Alumni donations

The school's designated student assistance budget

Reminder: Students may generally apply only once per incident. Availability and amount of aid are subject to the school's annual budget. For inquiries, please contact the Extracurricular Activity Guidance Section of the Student Affairs Office.

X. Parking Permit Application

1. Applications are open from 09:00, September 3 to 16:00, September 6, 2024 via <http://park.tnu.edu.tw>. Permits are issued on a first-come, first-served basis. Students who receive a payment slip must pay the parking fee via ATM before the semester starts. After the semester begins, bring the payment receipt, vehicle registration, and driver's license to the General Affairs Office to collect the permit. Permits not collected within one week after the semester starts will be forfeited and reassigned to waitlisted applicants.

◆ For further inquiries, please contact the General Affairs Office at (02) 8662-5802

XI. Motorcycle Parking Guidelines

1. The campus motorcycle parking lot uses a student ID card swipe system. The maximum daily charge is NT\$10. Multiple entries on the same day are only charged once. However, if parking extends past midnight, the system will charge NT\$10 per day.
2. The student ID also functions as an EasyCard. Please top up your card at convenience stores or MRT stations before use. A valid balance is required to access the motorcycle parking lot.

◆ For inquiries, please contact the General Affairs Office at (02) 8662-5801 to 5803

壹拾貳、更了解東南科技大學

1. 校內地圖



2. 學生接駁車

一、新生始業輔導當日免費接駁車路線(停靠站)

日期	站名	到站時間	地點
113 年 9 月 6 日 (星期五)	捷運忠孝新生站	07:50	忠孝新生站-3 號出口(凱統大飯店)
	捷運忠孝復興站	08:00	忠孝復興站-2 號出口(姜太太包子店)
	捷運古亭站	08:15	古亭站-1 號出口(健康米食前)
	捷運公館站	08:23	公館站-4 號出口正前方(麥麥皮鞋前)
	東南科技大學	08:50	

※新生始業輔導當日離校專車統一 16:10 發車。

二、學期中行駛路線(暨停靠站)：

(一)捷運忠孝新生、忠孝復興線(15 元)

站名	到站時間	地點
捷運忠孝新生站	07:25	忠孝新生站-3 號出口(凱統大飯店)
捷運忠孝復興站	07:30	忠孝復興站-2 號出口(姜太太包子店)
捷運大安站	07:33	對面全家便利商店
捷運科技大樓站	07:35	對面停車場
捷運古亭站	07:40	1 號出口(健康米食前)
捷運公館站	07:45	4 號出口正前方(麥麥皮鞋前)
東南科技大學	08:15	

(二)中、永和線(20 元)

站名	到站時間	地點
捷運永安市場站	07：15	信義房屋前
捷運景安站	07：20	景安路 120 號冠德大樓前空地
捷運大坪林站	07：30	5 號出口康和建設大樓前空地
東南科技大學	08：05	

(三)新莊線(35 元)

站名	到站時間	地點
捷運輔仁大學站	06：50	新莊中正路 1 號出口正前方
上美寵物店前	06：55	中正路龍鳳陸橋旁
三福自助餐	07：00	樹林中正路 755 號(樹林中正路三俊街口)
保安街口陸橋下	07：02	樹林中正路 639 號(樹林中正路保安街口)
浮洲加油站出口右側	07：04	樹林中正路 105 號(樹林中正路大安路口)
濟安宮(公車站牌)	07：10	樹林保安街 1 段 1 號
土城中華路-海霸王餐廳	07：20	土城中華路一段 2 號
中華中學-嘉實多輪胎行	07：23	土城中華路 2 段前
土城-永寧捷運站	07：25	4 號出口前方 (7/11 超商左側鐵塔下)
東南科技大學	08：05	

備註：學期中離校專車行駛時間：

- (1)離校往捷運忠孝新生站、公館線專車發車時刻：(1)15：20(2)16：20(3)17：20
- (2)離校往中、永和線專車發車時刻：16：20
- (3)離校往新莊、土城線專車發車時刻：16：20
- (4)每週三下午為社團活動，離校專車 3 線發車時刻：中午 12：20
- (5)離校學生專車搭車地點：T 字路口榕樹下候車亭。

3. 東南科技大學大眾交通指南

◆ 捷運

- 文湖線→木柵站→轉乘 251.660.666.679.795.819 公車 (約 15 分鐘到校)
- 淡水信義線→象山站 1 號出口→轉乘 912 公車 (約 17 分鐘到校)
- 中和新蘆線→古亭站 4 號出口→轉乘 949 公車 (約 30 分鐘到校)
- 松山新店線→景美站 1 號出口→轉乘 251.660.666 公車 (約 30 分鐘到校)
- 七張站→轉乘 819 公車 (約 25 分鐘到校)
- 板南線→市政府站 3 號出口→轉乘 912 公車 (約 20 分鐘到校)
- 環狀線→大坪林站→轉乘 819 公車 (約 25 分鐘到校)

◆ 大台北地區搭乘大眾運輸工具

1.台北火車站>>東南科技大學

台北火車站(捷運板南線)→市府捷運站 3 號出口→轉乘 912 公車

台北火車站(捷運板南線)→忠孝復興站(捷運文湖線)→木柵站→轉乘 251.660.666.679.795.819 公車

2.信義商圈>>東南科技大學

市府捷運站 3 號出口(捷運板南線)→轉乘 912 公車

象山站 1 號出口(捷運淡水信義線)→轉乘 912 公車

3.大直、內湖地區>>東南科技大學

大直或內湖捷運站(捷運文湖線)→木柵站→轉乘 251.660.666.679.795.819 公車

4.士林、北投、淡水地區>>東南科技大學

士林、北投、淡水地區(捷運淡水信義線)→象山站1號出口→轉乘912公車

5.中、永和地區>>東南科技大學

中和、永和地區(捷運中和新蘆線)→古亭站4號出口→轉乘949公車

中和、永和地區(捷運中和新蘆線)→東門站(捷運淡水信義線)→象山站1號出口→轉乘912公車

中和地區(捷運環狀線)→大坪林站→轉乘819公車

6.板橋、土城地區>>東南科技大學

板橋地區、火車站(捷運板南線)→市府捷運站3號出口→轉乘912公車

板橋地區、火車站(捷運環狀線)→大坪林站→轉乘819公車

7.新莊、蘆洲、三重地區>>東南科技大學

蘆洲或新莊捷運站(捷運中和新蘆線)→東門站(捷運淡水信義線)→象山站1號出口→轉乘912公車

新莊地區(捷運環狀線)→大坪林站→轉乘819公車

8.新店地區>>東南科技大學

大坪林站或七張站(捷運松山新店線)→轉乘819公車

◆ 北二高台北聯絡道(深坑交流道)下，左轉約 350 公尺到東南科技大學。

◆ 由東區(台北 101)開車經北二高信義支線，到本校只要 10 分鐘。

4. 學生證兼悠遊卡

- 本校學生證兼具悠遊卡功能，可使用於台北捷運、台北市聯營公車、捷運轉乘公車、台鐵列車及台北市立停車場等多項交通與停車服務。
- 當您看到大眾運輸工具上/商店裡具有悠遊卡標示的讀卡機時，請將卡片貼近讀卡區域，該趟車資將會被自動扣除。
- 當您的加值卡儲值金額過少時，讀卡機會發出較低的響聲，提醒您應該加值。在所有捷運中都備有加值機，請依照英文或中文的指示引導加值。最低加值金額為NT\$100，可享轉乘優惠。您也可以在所有便利商店進行加值服務。

5. 聯絡資訊

校內24小時校安電話	0933-089-655
國際專修部華語文中心聯絡電話	02-8662-5948
警察局	110
消防局	119
內政部移民署(台北服務站)	02-2388-5185(總機)
內政部移民署(新北服務站)	02-8228-2090(總機)
勞動部	02-89956866
外交部領事事務局	(02)2343-2888

6. 學校附近診所/醫院

幼恩診所 Add：台北縣深坑鄉北深路3段 230號 Tel：02-2662-5951.	林振得診所 Add：新北市深坑區北深路二段 106號 Tel：02- 2664-7878	好皮診所 Add：新北市深坑區北深路 二段135號 Tel：02 2930 6258
萬芳醫院 Add：台北市興隆路三段111號 Tel：2930-7930	台北長庚紀念醫院 Add：台北市敦化北路199號 Tel：2717-3466, 2713-5211	耕莘醫院 Add: 新北市新店區中正 路362號 Tel：2219-3391

XII. Tìm hiểu thêm về Đại học Khoa học Kỹ thuật Đông Nam



1. Bản đồ trong khuôn viên trường

Trường có bản đồ khuôn viên chi tiết giúp sinh viên dễ dàng di chuyển giữa các khu giảng đường, ký túc xá, nhà ăn, văn phòng hành chính, phòng y tế, thư viện và các khu vực tiện ích khác.

(2) Xe đưa đón sinh viên

(1) Xe đưa đón trong ngày hướng dẫn tân sinh viên lộ trình xe buổi sáng (miễn phí) – điểm đón và giờ đến:

Ngày	Trạm đón	Giờ đến	Địa điểm
6/9/113 (Thứ Sáu))	MRT Zhongxiao Xinsheng	07 : 50	Cửa số 3, trước khách sạn 凱統大飯店
	MRT Zhongxiao Fuxing	08 : 00	Cửa số 2, trước tiệm bánh bao 姜太太包子店
	MRT Guting	08 : 15	Cửa số 1, trước cửa hàng 健康米食
	MRT Gongguan	08 : 23	Cửa số 4, đối diện 麥麥皮鞋
	Trường	08 : 50	

Xe rời trường vào ngày này: xuất phát lúc 16:10

2. Xe đưa đón trong suốt học kỳ (có tính phí)

(1) Tuyến MRT Zhongxiao – Gongguan – 15 Đài tệ/lượt

Trạm	Giờ đến	Địa điểm
MRT Zhongxiao Xinsheng	07 : 25	Cửa số 3, trước khách sạn 凱統大飯店
MRT Zhongxiao Fuxing	07 : 30	Cửa số 2, trước tiệm bánh bao 姜太太包子店
MRT Daan	07 : 33	Đối diện cửa hàng tiện lợi Family Mart
MRT Technology Building	07 : 35	Đối diện bãi đỗ xe
MRT Guting	07 : 40	Cửa số 1, trước cửa hàng 健康米食
MRT Gongguan	07 : 45	Cửa số 4, đối diện 麥麥皮鞋
Trường	08 : 15	

(2) Tuyến Zhonghe/Yonghe – 20 Đài tệ/lượt

Trạm	Giờ đến	Địa điểm
MRT Yongan Market	07 : 15	Trước văn phòng bất động sản 信義房屋
MRT Jingan	07 : 20	Khoảng trống trước tòa nhà 冠德 (số 120 đường 景安)
MRT Dapinglin	07 : 30	Khoảng trống trước tòa nhà 康和建設 (cửa số 5)
Trường	08 : 05	

(3) Tuyến Xinzhuang / Tucheng – 35 Đài tệ/lượt

Trạm	Giờ đến	Địa điểm
MRT Fu Jen Catholic Univ.	06 : 50	Cửa số 1, phía trước tiệm thú cưng 上美寵物店 (số 1, đường Zhongzheng, Tân Trang)
In front of Shangmei Pet Store	06 : 55	Bên cạnh cầu vượt đường Long Phụng (龍鳳陸橋)
Sanfu Buffet	07 : 00	Số 755, đường Zhongzheng, khu vực giao với đường Sanjun
Under Baan St. Overpass	07 : 02	Số 639, đường Zhongzheng, gần giao lộ với đường Bảo An
Right side of Fuzhou Gas Station exit	07 : 04	Số 105, đường Zhongzheng, giao với đường Đại An
Ji'an Temple (Bus Stop)	07 : 10	Số 1, đoạn 1, đường Bảo An, trước trạm xe buýt

Zhonghua Rd., Tucheng – Hai Pa Wang Restaurant	07 : 20	Số 2, đoạn 1, đường Trung Hoa, trước nhà hàng Hải Bá Vương
Zhonghua High School – Castrol Tire Shop	07 : 23	Trước trường Trung học Trung Hoa (中華中學)
Tucheng – MRT Yongning Station (Exit 4)	07 : 25	Cửa số 4, bên trái cửa hàng tiện lợi 7-ELEVEN, dưới cột sắt
Trường	08 : 05	

Xe chiều rời trường

- MRT Zhongxiao, Gongguan: 15:20, 16:20, 17:20
- Tuyến Zhonghe/Yonghe: 16:20
- Tuyến Xinzhuang: 16:20
- Thứ Tư (hoạt động CLB): rời trường lúc 12:20
- **Điểm chờ xe:** cây đa ở ngã ba T trong khuôn viên trường

3. Hướng dẫn giao thông công cộng

• Từ các tuyến MRT đến trường

Văn Hồ (Wenhu Line) → MRT Muzha Station → chuyển sang xe buýt số 251, 660, 666, 679, 795, 819 (~15 phút đến trường)

Tamsui–Xinyi Line → MRT Xiangshan Station (Exit 1) → chuyển xe buýt 912 (~17 phút đến trường)

Zhonghe–Xinlu Line → MRT Guting Station (Exit 4) → chuyển xe buýt 949 (~30 phút đến trường)

Songshan–Xindian Line → MRT Jingmei Station (Exit 1) → chuyển xe buýt 251, 660, 666 (~30 phút đến trường)

Bannan Line → MRT Taipei City Hall Station (Exit 3) → chuyển xe buýt 912 (~20 phút đến trường)

Circular Line → MRT Dapinglin Station → chuyển xe buýt 819 (~25 phút đến trường)

• Từ các khu vực khác ở Đài Bắc

1. Từ Ga Taipei → Trường

MRT Bannan Line → xuống MRT Taipei City Hall Station (Exit 3) → bắt xe buýt 912

MRT Bannan Line → Zhongxiao Fuxing Station → chuyển sang Wenhu Line → Muzha Station → xe buýt 251, 660, 666, 679, 795, 819

2. Từ khu Xinyi (Taipei 101, City Hall...)

MRT City Hall Station (Exit 3) → xe buýt 912

MRT Xiangshan Station (Exit 1) → xe buýt 912

3. Từ Neihu, Dazhi

MRT Wenhu Line → MRT Muzha Station → xe buýt 251, 660, 666, 679, 795, 819

4. Từ Shilin, Beitou, Tamsui

MRT Tamsui–Xinyi Line → MRT Xiangshan Station (Exit 1) → xe buýt 912

5. Từ khu Zhonghe/Yonghe

MRT Zhonghe–Xinlu Line → MRT Guting Station (Exit 4) → xe buýt 949

MRT Dongmen Station → Xiangshan Station → xe buýt 912

MRT Circular Line → Dapinglin Station → xe buýt 819

6. Từ Banqiao, Tucheng

MRT Bannan Line → MRT Taipei City Hall Station (Exit 3) → xe buýt 912

MRT Circular Line → Dapinglin Station → xe buýt 819

7. Từ Xinzhuang, Luzhou, Sanchong

MRT Zhonghe–Xinlu Line → Dongmen Station → Xiangshan Station → xe buýt 912

MRT Circular Line → Dapinglin Station → xe buýt 819

8. Từ khu Xindian

MRT Dapinglin Station hoặc Qizhang Station → xe buýt 819

- Từ đường cao tốc (cao tốc số 3) xuống nút giao Shen'keng (深坑交流道) → rẽ trái khoảng 350m là đến trường
- Từ khu Đông Taipei (khu Taipei 101) lái xe theo nhánh Xinyi của cao tốc số 3 → đến trường chỉ mất khoảng 10 phút

4. Thẻ sinh viên kết hợp EasyCard

- Thẻ sinh viên của trường tích hợp chức năng thẻ EasyCard, có thể sử dụng để: Đi MRT, xe buýt công cộng tại thành phố Taipei, xe lửa TRA, bãi đỗ xe công cộng của thành phố,...
Hưởng ưu đãi chuyển tuyến khi sử dụng nhiều loại phương tiện giao thông liên tục.
- Chỉ cần **chạm thẻ vào máy đọc thẻ có biểu tượng EasyCard (悠遊卡)** tại các phương tiện công cộng hoặc cửa hàng tiện lợi, hệ thống sẽ tự động trừ tiền từ thẻ.
- Khi số dư trong thẻ thấp, máy đọc thẻ sẽ **phát âm thanh cảnh báo**. Lúc này cần **nạp thêm tiền**. Có thể nạp tiền tại: Các **máy nạp thẻ MRT**, **Cửa hàng tiện lợi như 7-ELEVEN, FamilyMart,...**Số tiền nạp tối thiểu: 100 Đài tệ

5. Thông tin liên lạc quan trọng

Số điện thoại an ninh trường 24/7	0933-089-655
Trung tâm Hoa ngữ – Văn phòng Quốc tế	02-8662-5948
Cảnh sát	110
Cứu hỏa – Cấp cứu y tế	119
Cục Di dân (Chi nhánh Taipei)	02-2388-5185(總機)
Cục Di dân (Chi nhánh Tân Bắc)	02-8228-2090(總機)
Bộ Lao động Đài Loan	02-89956866
Vụ Lãnh sự – Bộ Ngoại giao	(02)2343-2888

6. Cơ sở y tế gần trường

Phòng khám You'en Địa chỉ: Số 230, đoạn 3, đường Beishen, huyện Shengkeng, Tân Bắc Tel : 02-2662-5951.	Phòng khám Lin Zhendé Địa chỉ: Số 106, đoạn 2, đường Beishen, quận Shengkeng, Tân Bắc Tel : 02- 2664-7878	Phòng khám da liễu Yu Pi Địa chỉ: Số 135, đoạn 2, đường Beishen, quận Shengkeng, Tân Bắc Tel : 02 2930 6258
Bệnh viện Wanfang Địa chỉ: Số 111, đoạn 3, đường Xinglong, quận Wenshan, Taipei Tel : 2930-7930	Bệnh viện Chang Gung – Taipei Địa chỉ: Số 199, đường Dunhua Bắc, quận Songshan, Taipei Tel : 2717-3466, 2713-5211	Bệnh viện Canossa/Gengxin Địa chỉ: Số 362, đường Zhongzheng, quận Xindian, Tân Bắc Tel : 2219-3391

XII. Learn More About Tungnan University

1. University Map



2. Student Shuttle Bus

Free Shuttle Bus for New Student Orientation (route and stops)

Date	Bus Stop	Arrival Time	Pick-up Location
6 Sept. 2024 (Friday)	MRT Zhongxiao Xinsheng	07 : 50	Exit 3 (in front of Kaitung Hotel)
	MRT Zhongxiao Fuxing	08 : 00	Exit 2 (next to Mrs. Jiang's Baozi Shop)
	MRT Guting	08 : 15	Exit 1 (in front of Healthy Rice Foods)
	MRT Gongguan	08 : 23	Directly in front of Exit 4 (in front of Mai Mai Shoes)
	Tungnan University	08 : 50	

※ The return shuttle buses for freshmen on orientation day will depart at 16:10. ◦

Regular Semester Shuttle (Routes and Stops) :

(1) Route: MRT Zhongxiao Xinsheng & Zhongxiao Fuxing (NT\$15)

Bus stops	Arriving Time	Pick-up location
MRT Zhongxiao Xinsheng Station	07 : 25	Exit 3 (in front of Kaitong Hotel)
MRT Zhongxiao Fuxing Station	07 : 30	Exit 2 (next to Mrs. Jiang's Bun Shop)
MRT Daan Station	07 : 33	Opposite FamilyMart



MRT Technology Building Station	07 : 35	Opposite the parking lot
MRT Guting Station	07 : 40	Exit 1 (in front of Health Rice Food)
MRT Gongguan Station	07 : 45	Directly in front of Exit 4 (in front of Mai Mai Leather Shoes)
Tungnan University	08 : 15	

(2) Zhonghe–Yonghe Line (NT\$20)

Bus Stop	Arrival Time	Pick-up location
MRT Yong'an Market Station	07 : 15	In front of Xinyi Real Estate
MRT Jing'an Station	07 : 20	No. 120 Jing'an Road, Open space in front of Guande Building
MRT Dapinglin Station	07 : 30	Exit 5, Open space in front of Kanghe Construction Building
Tungnan University	08 : 05	

(3) Xinzhuang Line (NT\$35)

Bus Stops	Arriving Time	Pick-up Place
MRT Fu Jen Catholic University Station	06 : 50	No. 1 Exit, Zhongzheng Road, Xinzhuang
In front of Shangmei Pet Store	06 : 55	Beside Longfeng Overpass, Zhongzheng Road
Sanfu Buffet	07 : 00	No. 755, Zhongzheng Road, Shulin (intersection with Sanjun Street)
Under Baoan Street Overpass	07 : 02	No. 639, Zhongzheng Road, Shulin (intersection with Baoan Street)
Right side of Fuzhou Gas Station exit	07 : 04	No. 105, Zhongzheng Road, Shulin (intersection with Daan Road)
Ji'an Temple (bus stop)	07 : 10	No. 1, Section 1, Baoan Street, Shulin
Tucheng Zhonghua Road – Haibawang Restaurant	07 : 20	No. 2, Section 1, Zhonghua Road, Tucheng
Chung Hwa Middle School – Castrol Tire Shop	07 : 23	In front of Zhonghua Road Section 2, Tucheng
Tucheng – Yongning MRT Station	07 : 25	In front of Exit 4 (under the tower next to 7-Eleven)
Tungnan University	08 : 05	

Note: Departure Times for Student Shuttle Buses During the Semester :

- (1) To MRT Zhongxiao Xinseng & Gongguan Line: : (1)15 : 20 (2)16 : 20 (3)17 : 20
- (2) To Zhonghe & Yonghe Line : 16 : 20
- (3) To Xinzhuang & Tucheng Line : 16 : 20
- (4) Wednesdays (Club Activity Day): All three shuttle lines depart at 12:20 PM**
- (5) Boarding Location : T -intersection bus stop under the banyan tree.



3. Public Transportation Guide for Tungnan University

● MRT

Wenhu Line→Muzha station→transfer to bus no: 251.660.666.679.795.819 (15 mins.)

Tamsui-Xinyi Line→ Xiangshan station Exit 1→transfer to bus no: 912 (17 mins.)

Zhonghe-Xinlu Line→Guting Station Exit 4→change to bus no: 949 (30 mins.)

Shongshan-Xindian Line→Jingmei station Exit 1→change to bus 251.660.666 (30 mins.)
→or Qizhang station→transfer to bus no: 819 (25 mins.)

Banan Line→Taipei City Hall Exit 3→transfer to bus no: 912 (20 mins,)

Circular Line→Dapinglin station→transfer to bus no: 819 (25mins.)

● Taking public transport in the Greater Taipei Area

1.Taipei Main Station> >Tungnan University

Taipei Main Station (MRT Banan Line) →Taipei City Hall Station Exit 3→Change to bus no: 912

Taipei Main Station (MRT Banan Line) →Zhongxiao Fuxing station (MRT Wenhua Line) → Muzha Station→change to bus no: 251.660.666.679.795.819

2.Xinyi Shopping District> > Tungnan University

Taipei City Hall Station Exit 3 (MRT Blue Line) →change to bus no. 912

Xiangshan Station Exit 1 (MRT Tamsui-Xinyi) →change to bus no. 912

3.Dazhi 、Neihu Area> > Tungnan University

Dazhi or Neihu MRT (MRT Wenhu Line)→Muzha Station→change to bus no: 251.660.666.679.795.819

4.Shilin 、Beitou 、Tamsui Area> > Tungnan University

Shilin 、Beitou 、Tamsui Area(MRT Tamsui-Xinyi Line) →Xiangshan Station Exit 1→change to bus no.912

5.Zhonghe and Yonghe Area> > Tungnan University

Zhonghe and Yonghe Area (MRT Zhonghe-Xinlu Line) →Guting Station Exit 4→change to bus no.949

Zhonghe and Yonghe Area (MRT Zhonghe-Xinlu Line) →Dongmen Station (MRT Tamsui-Xinyi Line)→Xiangshan Station Exit 1→change to bus no.912

Area Zhonghe(MRT Circular Line) →Dapinglin Station→Change to bus no.819

6.Banqiao 、Tucheng Area> > Tungnan University

Banqiao Area 、Taipei Main station (MRT Banan Line) →Taipei City Hall→change to bus no.912

Banqiao Area 、Taipei Main station (Taipei Circle) →Dapinglin Station→change to bus no.819

7.Xinzhuang 、Luzhou 、Sanchong Area> > Tungnan University

Luzhou or Xinzhuang MRT station (Zhonghe-Xinlu Line) →Dongmen Station(MRT Tamsui-Xinyi Line) →Xiangshan station Exit 1→change to bus no.912

Xinzhuang Area (MRT Circular Line) →Dapinglin Station→change to bus no.819

8.Xindian Area> > Tungnan University

Dapinglin Staion or Qizhang Station (MRT Shongshan-Xindian Line) →change to bus no.819

- **Taipei Connecting Road no 2 (exit at Shengkeng Interchange) , turn left, and drive approximately 350 meters to reach Tungnan University. °**
- **Taipei East District (Taipei 101) turn left, drive via the Xinyi Branch Line on Taipei Connecting Road no 2. It takes about 10 minutes to reach the university.**



4. 學生證兼悠遊卡

- Our student ID card also functions as an EasyCard, which can be used for a variety of transportation and parking services, including the Taipei Metro, Taipei City joint bus system, MRT-to-bus transfers, Taiwan Railway, and Taipei City public parking lots.
- When you see a card reader with the EasyCard logo on public transportation or in a store, simply tap your card near the reader to pay. The fare will be automatically deducted.
- When your card's stored value is insufficient, the reader will emit a low-pitched sound as a reminder to top up. All MRT stations have top-up machines, with instructions available in both Chinese and English. The minimum top-up amount is NT\$100, and you can enjoy transfer discounts. You can also add value at all convenience stores.

5. Contact Information

24-Hour Campus Security	0933-089-655
Office of International Affairs, Chinese Language Center	02-8662-5948
Police	110
Fire/Emergency	119
National Immigration Agency (Taipei Service Center)	02-2388-5185(Main Line)
National Immigration Agency (New Taipei Service Center)	02-8228-2090(Main Line)
Ministry of Labour	02-89956866
Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs	(02)2343-2888

6. Clinics and Hospitals Near the University

You En Clinic Add : 230 Sec. 3, Beishen Rd., Shenkeng Township, Taipei County, Taiwan Tel : 02-2662-5951.	Lin Zhende Clinic Add : 106 Sec. 2, Beishen Rd., Shenkeng District, New Taipei City, Taiwan Tel : 02- 2664-7878	Yu Pi Clinic (Dermatology) Add : 135 Sec. 2, Beishen Rd., Shenkeng District, New Taipei City, Taiwan Tel : 02 2930 6258
Wanfang Hospital Add: 111 Sec. 3, Xinglong Rd., Taipei City, Taiwan Tel : 2930-7930	Taipei Chang Gung Memorial Hospital Add : 199 Dunhua N. Rd., Taipei City, Taiwan Tel : 2717-3466, 2713-5211	Cardinal Tien Hospital (Geng Shin Hospital) Add: 362 Zhongzheng Rd., Xindian District, New Taipei City, Taiwan Tel : 2219-3391